

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 308/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp
về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp
và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 133/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 06/2026/QH16.*

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật
Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh
nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; đối tượng, nguồn trích lập, mức trích lập, nhiệm vụ chi của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của

pháp luật Việt Nam;

c) Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp cho doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh được áp dụng quy định tại Nghị định này. Trường hợp có quy định riêng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh thì tổ chức thực hiện theo quy định riêng bảo đảm phù hợp với đặc thù về quốc phòng, an ninh.

Chương II

CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản thực hiện chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp

1. Kinh phí thực hiện chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nhà nước khuyến khích địa phương ưu tiên bố trí nguồn lực để hỗ trợ đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; đào tạo các ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản thực hiện chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển đổi số, pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

1. Doanh nghiệp được khuyến khích hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Hợp tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, cập nhật công nghệ mới phục vụ hoạt động đào tạo;

b) Tham gia xây dựng, rà soát, đề xuất cập nhật danh mục ngành, nghề đào tạo; chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, giáo trình, học liệu số, phương pháp đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

c) Đầu tư, tài trợ, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, nền tảng số, học liệu số và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

d) Tổ chức đào tạo, đặt hàng đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động;

đ) Tiếp nhận nhà giáo, học sinh, sinh viên đến tham quan, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; cử chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, bồi dưỡng nhà giáo và cập nhật công nghệ mới;

e) Tham gia đánh giá kết quả học tập, đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá chuẩn đầu ra và các hoạt động bảo đảm, kiểm định chất lượng đào tạo;

g) Hỗ trợ ươm tạo ý tưởng khởi nghiệp, hỗ trợ tư vấn, cố vấn, chia sẻ kinh nghiệm cho học sinh, sinh viên trong hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; cấp học bổng, hỗ trợ chi phí đào tạo cho người học;

h) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng nghề mới; đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững;

i) Triển khai các hoạt động hợp tác đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, thị trường lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và pháp luật có liên quan.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện cơ chế phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu

1. Doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề được xét tôn vinh, khen thưởng. Doanh nghiệp hằng năm có trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp và sử dụng tối thiểu hết 70% quỹ hằng năm cho hoạt động giáo dục, đào tạo là một trong những tiêu chí được Nhà nước xem xét tôn vinh, khen thưởng.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chí, tiêu chuẩn doanh nghiệp được tôn vinh, khen thưởng theo thẩm quyền.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan, tổ chức trung ương, địa phương quyết định việc tổ chức xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng.

3. Hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét tôn vinh, khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; đào tạo các ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa

1. Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế thực hiện theo đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm, các quy định về giáo dục nghề nghiệp, việc làm và pháp luật có liên quan.

2. Hỗ trợ đào tạo các ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa thông qua việc người lao động của doanh nghiệp được đào tạo miễn phí tại các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

a) Xác định nhu cầu đào tạo

Căn cứ danh mục ngành, nghề ưu tiên hoặc ngành, nghề khó xã hội hóa do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; nhu cầu nhân lực và thị trường lao động của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục ngành, nghề được hỗ trợ đào tạo tại địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tiễn.

Trên cơ sở định hướng phát triển, nhu cầu ngành, nghề đào tạo, doanh nghiệp lập danh sách người lao động đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp phù hợp với danh mục ngành, nghề được hỗ trợ đào tạo tại địa phương

và tiêu chuẩn, điều kiện của ngành, nghề đăng ký, gửi cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Căn cứ nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, danh mục ngành, nghề được hỗ trợ đào tạo, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch, loại hình, hình thức, kinh phí hỗ trợ đào tạo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bảo đảm đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Nội dung và phương thức thực hiện hỗ trợ

Việc hỗ trợ đào tạo (không bao gồm tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền đi lại) đối với người lao động thuộc ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và pháp luật có liên quan về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

c) Căn cứ nhu cầu, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung hỗ trợ cho người lao động đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp tham gia đào tạo phù hợp với đặc thù ngành, nghề đào tạo ngoài chính sách quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

3. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo cho doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Chương III **QUỸ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP**

Điều 7. Việc thành lập, đối tượng, nguồn trích lập và mức trích lập đối với Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

1. Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp do doanh nghiệp lựa chọn, quyết định thành lập theo nhu cầu của doanh nghiệp nhằm bảo đảm các hoạt động giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp được thường xuyên, liên tục, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Đối tượng trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp: doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Nguồn và mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Nguồn trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Mức trích lập hàng năm do doanh nghiệp tự quyết định, phù hợp với nhu cầu, kế hoạch đào tạo nhân lực hàng năm của doanh nghiệp được phê duyệt;

Riêng đối với doanh nghiệp nhà nước, mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp hàng năm bảo đảm tổng giá trị của phần Quỹ có nguồn từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tối đa không quá 01% lợi nhuận sau thuế, trong đó bao gồm cả phần Quỹ có nguồn từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp còn lại của năm trước do không sử dụng hết (nếu có).

Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập quỹ hàng năm theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ, việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập quỹ hàng năm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập quỹ hàng năm được thực hiện theo pháp luật về các tổ chức tín dụng.

b) Nguồn tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Điều 8. Nhiệm vụ chi, việc quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán đối với Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

1. Nhiệm vụ chi của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động của doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động của doanh nghiệp học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học; chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp; chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp; chi phí cho hoạt động đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá năng lực theo chuẩn doanh nghiệp hoặc theo tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp quốc gia;

Các hoạt động giáo dục, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động quy định tại điểm này phải được quy định chi tiết tại một trong các hồ sơ sau: hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế tài chính của doanh nghiệp;

b) Tài trợ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hợp tác với doanh nghiệp

theo điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: tài trợ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở này; tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là người học; tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo; tài trợ xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp.

2. Việc quản lý, sử dụng Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (nếu có) phải được quy định tại điều lệ hoặc quy chế của doanh nghiệp.

3. Việc hạch toán kế toán của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật kế toán.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kinh phí ngân sách nhà nước (nếu có) thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ quan trực thuộc tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2026.

2. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 14

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng